

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
& KINH DOANH VTTB – VVMI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 0037/TTr-HĐQT

Hà nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v *Phê duyệt kết quả SXKD, quyết toán tài chính,
Phân phối lợi nhuận năm 2024
của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh VTTB – VVMI.*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025,
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VTTB – VVMI**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI. Ban hành kèm theo QĐ số 0078/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Căn cứ báo cáo quyết toán tài chính năm 2024 của Công ty đã được Công ty TNHH kiểm toán BDO Việt Nam thực hiện kiểm toán;
- Căn cứ tờ trình của Giám đốc Công ty về việc xin phê duyệt kết quả SXKD, quyết toán tài chính năm 2024;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025: Quyết toán tài chính, kết quả SXKD, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI (bảng số liệu chi tiết kèm theo).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT(Ch).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

KẾT QUẢ SXKD, QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2024
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVM
(Kèm theo TTr số: 0037/TTr-HĐQT ngày 21 tháng 3 năm 2025)

TT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (ĐỒNG)	GHI CHÚ
A	B	1	2
I	VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	353 149 272 622	
2	Giá vốn hàng bán	324 137 883 274	
3	Lợi nhuận gộp	29 011 389 348	
4	Doanh thu hoạt động tài chính	4 986 467	
5	Chi hoạt động tài chính	1 364 942 394	
	Trong đó: Lãi vay	1 364 942 394	
6	Chi phí bán hàng	11 464 281 644	
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12 360 850 510	
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3 826 301 267	
9	Thu nhập khác	77 519 860	
10	Chi phí khác		
11	Lợi nhuận khác	77 519 860	
12	Tổng lợi nhuận trước thuế	3 903 821 127	
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp	811 856 225	
14	Các khoản trừ vào lợi nhuận sau thuế		
15	Lợi nhuận sau thuế	3 091 964 902	
II	THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NGÂN SÁCH		
1	Tổng số thuế phải nộp	6 345 724 302	
	Thuế giá trị gia tăng	3 933 097 601	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	811 856 225	
	Thuế xuất,nhập khẩu		
	Thuế nhà đất	1 227 496 211	
	Thuế môn bài	3 000 000	
	Thuế thu nhập cá nhân	367 774 265	
	Các khoản phải nộp khác	2 500 000	
2	Tổng số thuế đã nộp	5 369 057 220	
	Thuế giá trị gia tăng	4 001 417 924	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	Thuế xuất,nhập khẩu		
	Thuế nhà đất	994 365 031	
	Thuế môn bài	3 000 000	
	Thuế thu nhập cá nhân	367 774 265	
	Các khoản phải nộp khác	2 500 000	
3	Tổng số thuế còn phải nộp	1 350 919 326	
	Thuế giá trị gia tăng	953 538 241	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	397 381 085	
	Thuế nhà đất		
	Thuế môn bài		
	Thuế thu nhập cá nhân		

01
CỘ
CỐ
ÁN
INT
IT
V
GA

Chữ ký

TT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (ĐỒNG)	GHI CHÚ
III	TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN		
*	TÀI SẢN		
a	Tài sản ngắn hạn	62 063 481 413	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1 028 184 648	
1.1	Tiền	1 028 184 648	
1.2	Các khoản tương đương tiền		
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
2.1	Đầu tư ngắn hạn		
2.2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		
3	Các khoản phải thu	54 147 300 889	
3.1	Phải thu của khách hàng	52 958 419 543	
3.2	Trả trước cho người bán	757 150 000	
3.3	Phải thu khác	431 731 346	
3.4	Dự phòng khoản phải thu khó đòi		
4	Hàng tồn kho	6 772 969 390	
4.1	Nguyên vật liệu tồn kho	1 936 538 103	
4.2	Công cụ, dụng cụ tồn kho	14 737 918	
4.3	Chi phí sản xuất dở dang	1 422 095 121	
4.5	Thành phẩm	3 399 548 248	
4.6	Hàng gửi bán		
5	Tài sản ngắn hạn khác	115 026 486	
5.1	Chi phí trả trước ngắn hạn	115 026 486	
5.2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		
5.3	Thuế và các khoản phải thu		
5.4	Tài sản ngắn hạn khác		
b	Tài sản dài hạn	3 904 493 107	
1	Các khoản phải thu dài hạn		
1.1	Phải thu dài hạn của khách hàng		
1.2	Phải thu nội bộ dài hạn		
1.3	Phải thu dài hạn khác		
1.4	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		
2	Tài sản cố định	3 871 117 188	
2.1	Tài sản cố định hữu hình	3 871 117 188	
	-Nguyên giá	52 157 150 871	
	-Giá trị hao mòn lũy kế	48 286 033 683	
	-Chi phí XDCB dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn		
	- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
6	Tài sản dài hạn khác	33 375 919	
6.1	Chi phí trả trước dài hạn	33 375 919	
6.2	Tài sản thuê thu nhập hoàn trả		
6.3	Tài sản dài hạn khác		
	CỘNG TÀI SẢN	65 967 974 520	
*	NGUỒN VỐN		
I	Nợ ngắn hạn	45 551 919 937	
1	Vay và nợ ngắn hạn		

TH
T
AN
T
DA
HI
MI
T

Ch

TT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (ĐỒNG)	GHI CHÚ
1.1	Vay ngắn hạn		
1.2	Nợ dài hạn đến kỳ trả		
2	Phải trả cho người bán	24 167 229 906	
2.1	Người mua trả tiền trước		
2.2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1 350 919 326	
2.3	Phải trả người lao động	11 421 206 032	
2.4	Chi phí phải trả	38 775 939	
2.5	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7 398 389 413	
2.6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	216 000 000	
2.7	Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác	505 435 276	
2.8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	453 954 045	
II	Nợ dài hạn		
1	Phải trả dài hạn người bán		
2	Phải trả dài hạn nội bộ		
3	Phải trả dài hạn khác		
4	Vay và nợ dài hạn		
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
7	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		
8	Doanh thu chưa thực hiện		
III	Vốn chủ sở hữu	20 405 304 583	
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12 500 000 000	
2	Quỹ đầu tư phát triển	4 813 339 681	
3	Quỹ dự phòng tài chính		
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3 091 964 902	
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
IV	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
1	Nguồn kinh phí		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	65 957 224 520	
*	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		
1	Lợi nhuận trước thuế	3 903 821 127	
2	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	811 856 225	
3	Lợi nhuận sau thuế	3 091 964 902	
4	Trích quỹ dự phòng tài chính		
5	Trả cổ tức (16%/VĐL)	2 000 000 000	
6	Lợi nhuận còn để trích lập các quỹ	1 091 964 902	
+	Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho NLĐ	926 724 902	
	- Quỹ khen thưởng (30%)	278 077 471	
	- Quỹ phúc lợi (70%)	648 707 431	
+	Quỹ thưởng người QLDN năm 2024	165 240 000	

Chữ ký

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ
VIỆT BẮC TKV-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ
KD VẬT TƯ TB- VVMI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 0 0 3 8/TTr- HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt phương án vay vốn phục vụ
sản xuất kinh doanh năm 2025 tại Ngân hàng Thương mại
Cổ phần Công thương Việt nam (Vietinbank) – Chi nhánh Đông anh.

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT & KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ-
VVMI**

- Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI ban hành kèm theo quyết định số: 0078 ngày 16/04/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Căn cứ kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh năm 2025 số: 1376 /QĐ-VTTB ngày 31/12/2024;

- Căn cứ QĐ số 0020/QĐ-HĐQT ngày 20/2/2025 của HĐQT công ty về việc tạm giao kế hoạch SXKD năm 2025 cho Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI;

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt cho giám đốc công ty ký kết các giấy tờ vay vốn và hồ sơ liên quan tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt nam (Vietinbank) - Chi nhánh Đông anh năm 2025 như sau:

- * Mục đích vay: - Vay ngắn hạn: 50 tỷ đồng
- Bảo lãnh+ LC: 20 tỷ đồng

Thời gian duy trì hạn mức: 01 năm kể từ ngày Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng.

Hình thức đảm bảo: Tín chấp

(Dự thảo hợp đồng vay vốn kèm theo)

Công ty cam kết sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích và đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh và chịu hoàn toàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./. 

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT(Ch)





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG CHO VAY HẠN MỨC

Số:..../2025-HĐCVHM/NHCT144-VVMI

HỢP ĐỒNG CHO VAY HẠN MỨC này (“**Hợp Đồng**”) được lập tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh ngày ... tháng ... năm 2024 giữa và bởi:
(A) NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ANH với tư cách là Bên Cho Vay.

Giấy CNĐKDN : Số 0100111948-068 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 26/10/2022

Địa chỉ đăng ký : Tổ 4, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại : 024.38833524 Fax: 024.38833915

Đại diện hợp pháp : Bà Dương Thị Hải Yến

Chức vụ : Phó Giám đốc

(Theo văn bản uỷ quyền số 545/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/04/2022 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)

(B) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI với tư cách là Bên Vay

Giấy CNĐKDN : 0101854047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu 05/10/2004, 4 ngày 06/04/2016.

Địa chỉ đăng ký : Tổ 12 – Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh , Hà Nội.

Điện thoại : 02438833247 Fax: 02438832668

Đại diện hợp pháp : Ông Phạm Đức Khiêm

Chức vụ : Giám đốc

1

Bên Cho Vay và Bên Vay được gọi chung là “**Các Bên**” và gọi riêng là một “**Bên**”.

Sau khi đã đàm phán và thoả thuận, Các Bên đồng ý giao kết **Hợp Đồng** này với nội dung và các điều khoản dưới đây:

ĐIỀU 1. PHƯƠNG THỨC, HẠN MỨC CHO VAY, CÁC KHOẢN NỢ

1.1 Phương Thức Cho Vay: Cho vay theo hạn mức

1.2 Hạn Mức Cho Vay

(a) Tuỳ thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này, Bên Cho Vay cam kết cho Bên Vay vay các khoản tiền bằng Đồng Việt Nam (VND) (mỗi khoản tiền được giải ngân và/hoặc Bên Vay nhận nợ được gọi là “**Khoản Nợ**”) trong Thời Hạn Duyệt Trì Hạn Mức với tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay (nếu có) theo Hợp Đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá **50.000.000.000 (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn)** (“**Hạn Mức Cho Vay**”).

(b) Trường hợp Bên Vay rút vốn bằng nhiều loại tiền tệ khác nhau, số dư nợ gốc và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay (nếu có) theo Hợp Đồng này sẽ được quy đổi trên danh nghĩa về một loại tiền tệ theo tỷ giá bán loại tiền tệ được quy đổi do Bên Cho Vay niêm yết tại bất kỳ thời điểm đề nghị giải ngân, đề nghị phát hành L/C nào (nếu có) nhằm quản lý Hạn Mức Cho Vay.

(c) Hạn Mức Cho Vay bao gồm cả hạn mức cho vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay số 41/2023-HĐCVHM/NHCT144-VVMI ngày 09/10/2023 ký giữa Bên Cho Vay với Bên Vay theo liệt kê chi tiết tại Phụ Lục I Hợp Đồng này. Trừ khi có thoả thuận khác, Các Bên thống nhất việc xử lý hạn mức cho vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay được liệt kê tại Phụ Lục I theo nguyên tắc sau:

(i) Ngày trả nợ gốc: Bên Vay có trách nhiệm trả nợ theo đúng ngày ghi trên Giấy Nhận Nợ và được cụ thể hoá tại Phụ Lục I.

(ii) Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được xác định tại Phụ Lục I. Ngày điều chỉnh lãi suất cho vay là ngày 25 (hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước nếu ngày 25 đó không phải là Ngày Làm Việc).



(iii) Lãi cộng dồn chưa thanh toán của toàn bộ dư nợ gốc sẽ được Bên Vay thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng này.

(iv) Các nội dung khác sẽ được điều chỉnh theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp Đồng này.

1.3 Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức

Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức được tính từ ngày .../.../2024 đến hết ngày .../.../2025.

Hết Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức của Hợp Đồng này, Bên Cho Vay không có nghĩa vụ phải giải ngân bất kỳ Khoản Nợ nào, trừ việc giải ngân để thanh toán L/C có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp Đồng này đến hạn thanh toán.

1.4 Mục Đích Sử Dụng

Các Khoản Nợ được Bên Vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên vay (Phù hợp với đăng ký kinh doanh).

1.5 Thời Hạn Cho Vay

Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản Nợ đến ngày Bên Vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ nhưng tối đa không quá 03 (ba) tháng.

Giấy Nhận Nợ là một trong các bằng chứng pháp lý xác nhận Khoản Nợ đã được Bên Cho Vay giải ngân cho Bên Vay. Giấy Nhận Nợ được Bên Vay lập theo mẫu của Bên Cho Vay theo quy định tại khoản 4.2 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2. LÃI VÀ PHÍ

2.1 Lãi Suất Cho Vay

Lãi suất cho vay trong Hợp Đồng này là lãi suất điều chỉnh, được xác định và điều chỉnh theo các quy định dưới đây:

(a) Lãi suất cho vay trong hạn

Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản Nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy Nhận Nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định như sau:

(i) Thời hạn điều chỉnh lãi suất, ngày xác định lãi suất, thông báo điều chỉnh lãi suất:

- Lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần (“Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất”).

- Lãi suất cho vay của bất kỳ Khoản Nợ nào sẽ được xác định vào ngày giải ngân Khoản Nợ đó và được điều chỉnh (xác định lại) vào ngày hai mươi lăm (25) của tháng cuối cùng của Thời Hạn Điều Chỉnh Lãi Suất hoặc Ngày Làm Việc liền kề trước đó nếu ngày hai mươi lăm (25) đó không phải là Ngày Làm Việc (“Ngày Xác Định Lãi Suất”).

- Sau Ngày Xác Định Lãi Suất, Bên Cho Vay sẽ gửi thông báo điều chỉnh lãi suất cho Bên Vay (thông qua các kênh điện tử/nền tảng công nghệ (như tin nhắn gửi qua số điện thoại/Email/Hệ thống Vietinbank Ipay, Vietinbank Efast,... mà Bên Vay đã đăng ký tại Bên Cho Vay trước đó) cho Bên Vay nếu lãi suất cho vay có sự thay đổi so với lãi suất cho vay đang áp dụng. Các Bên thống nhất rằng Bên Cho Vay được quyền chủ động quyết định hình thức gửi thông báo lãi suất và văn bản thông báo lãi suất cho vay và/hoặc thông báo lãi suất qua các kênh điện tử/nền tảng công nghệ là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này. Kể từ Ngày Xác Định Lãi Suất, Bên Cho Vay được quyền áp dụng lãi suất được xác định ghi trong thông báo điều chỉnh lãi suất đó (hoặc thông báo điều chỉnh lãi suất trước đó) cho kỳ hạn tính lãi tương ứng mà không cần phải có sự đồng ý của Bên Vay, trừ khi Bên Vay có văn bản phản đối lãi suất được xác định sai nguyên tắc quy định dưới đây trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Vay gửi thông báo đó. Trường hợp Bên Vay phản đối, lãi suất cho vay trong thông báo điều chỉnh lãi suất sẽ được Bên Vay và Bên Cho Vay cùng xác định lại, nếu Bên Vay không cùng Bên Cho Vay xác định lại hoặc không chỉ rõ được việc Bên Cho Vay xác định sai thì lãi suất cho vay vẫn được áp dụng theo mức lãi suất trong thông báo xác định lãi suất mà Bên Cho Vay đã gửi cho Bên Vay.

(ii) Vào Ngày Xác Định Lãi Suất, lãi suất cho vay trong hạn được xác định như sau:

Lãi suất cho vay trong hạn được thực hiện theo Thông báo điều chỉnh lãi suất của Bên Cho Vay; hoặc

Lãi suất cho vay trong hạn được xác định bằng (=) Lãi suất cơ sở (+) biên độ 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn Lãi suất cho vay của NHCTVN ban hành từng thời kỳ, trong đó:

Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau của cùng loại tiền cho vay có kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn vay vốn được niêm yết tại Bên Cho Vay cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm (Chi phí huy động vốn tăng thêm là chi phí phát sinh trong điều kiện biến động thị trường khiến lãi suất huy động tiết kiệm niêm yết trả lãi sau không phản ánh đầy đủ chi phí huy động vốn thực tế của Bên Cho Vay). Trường hợp tại thời điểm thỏa thuận hoặc xác định lãi suất



cơ sở không có loại lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau có kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn của khoản vay thì áp dụng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau có kỳ hạn của kỳ hạn liền kề có lãi suất cao hơn trong biểu lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau hiện hành của bên cho vay.

+ Chi phí huy động tăng thêm do Bên Cho Vay thông báo cho Bên Vay 35 ngày trước khi điều chỉnh.
+ Chi phí huy động tăng thêm được Bên Cho Vay xác định trong trường hợp có sự kiện biến động thị trường. Sự kiện biến động thị trường là sự kiện xảy ra sau thời điểm ký Hợp Đồng này và Bên Cho Vay phải gánh chịu thêm các chi phí, phí tổn trong huy động vốn do có sự thay đổi, bổ sung, sửa đổi Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, văn bản hành chính, văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; sự thay đổi bất thường của nền kinh tế; sự kiện khác làm tăng chi phí huy động vốn của Bên Cho Vay.

(iii) Bên Cho Vay được quyền quyết định điều chỉnh tăng biên độ và thông báo cho Bên Vay về biên độ mới khi có một trong các sự kiện phát sinh dưới đây:

+ Bên Vay có đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc Bên Vay có đề nghị miễn/giảm lãi;
+ Khả năng trả nợ của Bên Vay suy giảm hoặc có nguy cơ suy giảm theo đánh giá của Bên Cho Vay hoặc Bên Cho Vay có cơ sở để xác định Bên Vay đang có nguy cơ suy giảm khả năng trả nợ;
+ Các thay đổi bất lợi (theo đánh giá của Bên Cho Vay) liên quan đến tài sản bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm của các Khoản Nợ theo Hợp Đồng này làm tăng rủi ro đối với Khoản Nợ;
+ Trong trường hợp phát sinh sự kiện biến động thị trường.

(iv) Trong trường hợp phát sinh sự kiện biến động thị trường, Bên Cho Vay được toàn quyền điều chỉnh cách thức xác định lãi suất cơ sở và biên độ khác so với cách thức xác định tại mục (ii) trên. Bên Cho Vay chỉ cần thông báo điều chỉnh lãi suất cho Bên Vay trong đó có nội dung thay đổi về Lãi suất cơ sở và biên độ, Bên Vay đồng ý thực hiện theo Thông báo điều chỉnh lãi suất của Bên Cho Vay trong trường hợp có sự kiện biến động thị trường. Biến động thị trường là một trong các sự kiện sau:

+ Tại Ngày Xác Định Lãi Suất không có giá trị lãi suất cơ sở hoặc giá trị lãi suất cơ sở bằng 0 (không) hoặc âm; hoặc Cơ quan quản lý/ cơ quan có thẩm quyền/ đại diện của các cơ quan này tuyên bố công khai rằng loại lãi suất cơ sở tại hợp đồng cho vay không còn tin cậy, không còn mang tính đại diện; hoặc

+ Việc sửa đổi/bổ sung/ thay thế hoặc đưa ra/ thay đổi trong cách diễn giải, thi hành hoặc áp dụng của bất kỳ pháp luật quy định nào hoặc thay đổi của chính sách tiền tệ, chính sách điều hành lãi suất của Nhà nước và của NHCTVN sau ngày giao kết Hợp Đồng hoặc các nguyên nhân khác trực tiếp/ gián tiếp khiến chi phí huy động vốn thực tế của Bên Cho Vay vượt quá giá trị lãi suất cơ sở đang áp dụng tại Hợp Đồng và/ hoặc ảnh hưởng tới khả năng giải ngân vốn cho vay của Bên Cho Vay.

Khi các sự kiện biến động thị trường chấm dứt, Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được Bên Cho Vay tiếp tục áp dụng theo mục (ii) nêu trên và được Bên Cho Vay thông báo cho Bên Vay.

(v) Trường hợp lãi suất cho vay xác định theo quy định nêu trên thấp hơn mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("NHCTVN") thì lãi suất cho vay được xác định bằng mức sàn lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của NHCTVN tại Ngày Xác Định Lãi Suất được ghi trong thông báo điều chỉnh lãi suất.

(vi) Lãi suất cho vay tại thời điểm giao kết Hợp Đồng là 9%/năm, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ cụ thể và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày giao kết Hợp Đồng.

(vii) Lãi suất ưu đãi áp dụng theo các chương trình, cơ chế ưu đãi lãi suất khác:

- Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- Vào ngày giải ngân khoản nợ hoặc Ngày xác định lãi suất, tùy thuộc vào việc Bên Vay đáp ứng đầy đủ điều kiện của Chương trình tín dụng theo quy định của Bên Cho Vay và được Bên Cho Vay chấp thuận thì lãi suất cho vay của Khoản nợ sẽ được xác định theo chính sách của Chương trình tín dụng và được ghi vào Giấy Nhận Nợ. Hết thời hạn áp dụng Chương trình tín dụng hoặc khi Bên Vay không đáp ứng được điều kiện của Chương trình tín dụng hoặc Bên Cho Vay chấm dứt Chương trình tín dụng trước hạn thì lãi suất cho vay được xác định theo quy định tại tiết (ii) và tiết (iii), điểm a, Khoản 2.01, Điều 2 tại Hợp đồng này. Trong đó Ngày xác định Lãi suất là ngày Bên Cho Vay chấm dứt áp dụng Chương trình tín dụng đối với Bên Vay (trừ trường hợp theo thông báo riêng của Bên Cho Vay).
- Trường hợp Bên Vay phát sinh nợ quá hạn từ Nợ nhóm 2, Nợ xấu tại Bên Cho Vay và/hoặc bị phát hiện sử dụng vốn sai mục đích, Bên Cho Vay chấm dứt ngay việc ưu đãi lãi suất đối với toàn bộ dư nợ của Bên Vay tại tất cả các Chi nhánh trong hệ thống Bên Cho Vay kể từ ngày bị chuyển nhóm nợ và/hoặc bị phát hiện sử dụng vốn vay sai mục đích tại Bên Cho Vay.



- Bên cho vay thực hiện thu hồi ưu đãi lãi suất trong 02 trường hợp sau đây:

+ Trường hợp xác định Bên Vay sử dụng vốn sai mục đích, Bên Cho Vay thực hiện thu hồi toàn bộ số tiền lãi đã ưu đãi đối với tất cả các khoản vay sử dụng vốn vay sai mục đích còn dư nợ.

(b) Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn

Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 3.6 Điều 3 và khoản 8.2 Điều 8 của Hợp Đồng này thì Bên Vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận tại điểm a khoản 2.1 Điều 2 của Hợp Đồng này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

(c) Lãi suất chậm trả lãi

Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này, Bên Vay và Bên Cho Vay thống nhất không áp dụng lãi suất chậm trả lãi. Tuy nhiên, Bên Vay đồng ý và thống nhất rằng, tùy thuộc vào chính sách lãi suất của Bên Cho Vay trong từng thời kỳ, Bên Cho Vay được quyền áp dụng lãi suất chậm trả lãi và các bên thống nhất áp dụng theo Thông báo lãi suất chậm trả lãi của Bên Cho Vay.

2.2 Cơ Sở Tính Lãi, Phương Pháp Tính Lãi

(a) Tiền lãi của Khoản Nợ được tính theo lãi suất năm, trên cơ sở một năm có 365 ngày.

(b) Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản vay (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

(c) Số tiền lãi vay trong hạn bằng $(=) \sum (\text{dư nợ gốc trong hạn thực tế nhân (x) lãi suất cho vay trong hạn nhân (x) số ngày duy trì số dư thực tế}) / 365$.

(d) Số tiền lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn bằng $(=) \sum (\text{dư nợ gốc thực tế bị chuyển nợ quá hạn nhân (x) lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn nhân (x) số ngày quá hạn}) / 365$.

(e) Số tiền lãi chậm trả lãi bằng $(=) \sum (\text{số tiền lãi chậm trả nhân (x) lãi suất chậm trả lãi nhân (x) số ngày chậm trả lãi thực tế}) / 365$.

2.3 Phí

Bên Vay sẽ thanh toán cho Bên Cho Vay các loại phí theo quy định của NHCTVN tại từng thời điểm và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. Cụ thể các loại phí như sau:

(a) Phí trả nợ trước hạn:

(i) Trường hợp Bên Vay đáp ứng đủ điều kiện trả nợ trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 3.2 Điều 3 Hợp Đồng này, Bên Vay phải thanh toán cho Bên Cho Vay khoản phí trả nợ trước hạn bằng 0% trên số tiền trả nợ trước hạn cùng việc trả nợ gốc trước hạn;

(ii) Trường hợp Bên Vay thực hiện trả nợ trước hạn khi chưa đáp ứng đủ điều kiện trả nợ trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 3.2 Điều 3 Hợp Đồng này, Các Bên đồng ý thống nhất rằng, Bên Vay phải thanh toán cho Bên Cho Vay phí trả nợ trước hạn với khoản phí trả nợ trước hạn theo quy định của NHCT từng thời kỳ trên số tiền trả nợ trước hạn cùng việc trả nợ gốc trước hạn.

Tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn áp dụng tại thời điểm hiện tại như sau:

Phí phạt trả nợ trước hạn = Tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn (%) x Số tiền trả nợ trước hạn

Bên Vay phải thanh toán phí cùng việc trả nợ gốc trước hạn

+ Trường hợp Bên vay trả nợ mà nguồn trả nợ là nguồn vốn vay từ ĐCTC khác

Phí phạt trả nợ trước hạn = Tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn (%) x Số tiền gốc trả nợ trước hạn. Trong đó, tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn tối thiểu được quy định như sau:

TT	Thời điểm trả nợ	Tỷ lệ phạt trả nợ trước hạn tối thiểu
1	Thời hạn vay đã qua < 1/3 Thời hạn tài khoản vay	5,0%
2	1/3 Thời hạn tài khoản vay ≤ Thời hạn vay đã qua < 2/3 Thời hạn tài khoản vay	3,0%
3	Thời hạn vay đã qua ≥ 2/3 Thời hạn tài khoản vay	2,0%

Mức phí trả nợ trước hạn tối thiểu: 200.000 đồng/khoản vay phát sinh nợ trả nợ trước hạn.

Trong đó:

- Thời hạn tài khoản vay: là thời hạn được tính từ ngày hiệu lực tài khoản đến ngày đáo hạn
- Thời hạn vay đã qua: là thời hạn tính từ hiệu lực tài khoản đến ngày thực hiện trả nợ trước hạn
- Ngày hiệu lực tài khoản: là ngày mở tài khoản vay để giải ngân.
- Định chế tài chính bao gồm các tổ chức là tổ chức tín dụng (TCTD) trong nước, TCTD nước ngoài và các Định chế tài chính phi TCTD là các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính khác bao gồm Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ và Công ty bảo hiểm.



- b) Phí cam kết rút vốn: theo quy định của NHCT từng thời kỳ; và
- c) Phí Phát vi phạm cam kết rút vốn: theo quy định của NHCT từng thời kỳ; và
- d) Các loại phí khác theo quy định của NHCTVN tại từng thời điểm và phù hợp với pháp luật.

ĐIỀU 3. THANH TOÁN NỢ LÃI, GỐC VÀ PHÍ

3.1 Thanh Toán Lãi

(a) Lãi vay trong hạn sẽ được trả định kỳ một (01) tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng. Ngày thanh toán lãi cuối cùng của mỗi Khoản Nợ là ngày thanh toán hết Khoản Nợ đó. Trường hợp ngày 25 hàng tháng không phải là Ngày Làm Việc thì Bên Vay được quyền thanh toán vào Ngày Làm Việc liền kề sau đó ("**Ngày Thanh Toán Lãi**").

Ngày Làm Việc được hiểu là bất kỳ ngày nào trừ: (i) ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ tại Việt Nam; (ii) bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép giao dịch hoặc được phép không giao dịch theo quy định của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(b) Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi (nếu có) và Bên Cho Vay có quyền thu lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi (i) ngay khi phát sinh và/hoặc (ii) theo thông báo của Bên Cho Vay và/hoặc (iii) vào Ngày Thanh Toán Lãi nêu tại điểm a khoản 3.1 Điều 3 của Hợp Đồng này.

3.2 Thanh Toán Nợ Gốc

(a) Bên Vay đồng ý thanh toán Khoản Nợ vào ngày trả nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ hoặc thời điểm khác theo sự thỏa thuận bằng văn bản giữa Các Bên hoặc theo thông báo lịch trả nợ do Bên Cho Vay gửi Bên Vay.

Trường hợp ngày thanh toán nợ gốc không phải là Ngày Làm Việc thì Bên Vay được quyền thanh toán vào Ngày Làm Việc liền kề sau đó.

(b) Bên Vay thanh toán một phần hoặc toàn bộ Khoản Nợ trước hạn với điều kiện:

(i) Bên Vay phải gửi thông báo về việc đề nghị trả nợ trước hạn cho Bên Cho Vay trước ít nhất 0 (ngày) Ngày Làm Việc tính đến ngày dự kiến trả nợ trước hạn, trong đó nêu rõ về số tiền đề nghị trả nợ trước hạn, ngày dự kiến trả nợ trước hạn;

(ii) Việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ Khoản Nợ trước hạn phải được Bên Cho Vay chấp thuận và tuân theo các điều kiện của Bên Cho Vay;

(iii) Bên Vay sẽ đồng thời trả hết tất cả các khoản lãi cộng dồn phát sinh tính đến thời điểm trả nợ trước hạn, Phí trả nợ trước hạn cùng các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này;

(iv) Mọi khoản thanh toán trước hạn sẽ được thanh toán theo thứ tự do Bên Cho Vay toàn quyền quyết định. Tại thời điểm giao kết Hợp Đồng này, các khoản thanh toán trước hạn sẽ được thanh toán theo thứ tự (i) thu cho kỳ trả nợ cuối cùng; (ii) thu cho kỳ trả nợ tiếp theo liền kề kỳ trả nợ cuối cùng cho đến khi thu hết khoản thanh toán trước hạn.

3.3 Thanh Toán Phí

Các khoản phí (nếu có) sẽ được Bên Vay thanh toán cho Bên Cho Vay theo thỏa thuận tại khoản 2.3 Điều 2 Hợp Đồng này và/hoặc ngay khi phát sinh phí.

3.4 Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán

(a) Nếu Bên Cho Vay nhận được bất kỳ khoản tiền nào mà không đủ để thanh toán mọi nghĩa vụ (trừ trường hợp theo quy định của điểm b khoản 3.4 Điều 3 Hợp Đồng này) thì Bên Cho Vay có quyền sử dụng khoản tiền đó để thanh toán các nghĩa vụ theo thứ tự sau: (i) phí (nếu có); (ii) các khoản phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại (nếu có) (iii) lãi vay đến hạn; và (iv) các khoản nợ gốc đến hạn.

(b) Trường hợp Khoản Nợ bị quá hạn trả nợ thứ tự ưu tiên thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.5 Đồng Tiền Sử Dụng

Đồng tiền sử dụng để trả nợ theo Hợp Đồng này tương ứng với đồng tiền Bên Vay nhận nợ của Khoản Nợ được ghi trên từng Giấy Nhận Nợ. Trường hợp đồng tiền trả nợ khác với đồng tiền nhận nợ thì Bên Cho Vay được toàn quyền thực hiện việc quy đổi sang đồng tiền nhận nợ theo tỷ giá do Bên Cho Vay xác định tại thời điểm quy đổi và Bên Cho Vay được quyền thu các loại phí liên quan khi thực hiện quy đổi tiền tệ theo quy định của Bên Cho Vay mà không cần phải có thêm bất cứ một hợp đồng/thỏa thuận mua bán ngoại tệ nào giữa Các Bên.

3.6 Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ, Nợ Quá Hạn

(a) Trong trường hợp Bên Vay yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Bên Vay phải gửi văn bản yêu cầu đến Bên Cho Vay chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước ngày đến hạn thanh toán nợ gốc, Ngày Thanh Toán Lãi đối với nợ gốc, lãi của Khoản Nợ yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, trong đó nêu rõ lý do yêu cầu cơ cấu, lịch trả nợ mới và hồ sơ theo yêu cầu của Bên Cho Vay. Trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ,

che



Bên Cho Vay phải thông báo cho Bên Vay về việc đồng ý hoặc không đồng ý cho Bên Vay cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Trong trường hợp được Bên Cho Vay chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, các bên thực hiện ký văn bản sửa đổi Hợp Đồng này.

(b) Bên Cho Vay chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên Vay không trả đầy đủ và đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và/hoặc Giấy Nhận Nợ và không có đủ số dư trên tài khoản để Bên Cho Vay chủ động thu nợ hoặc đã đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ mà không được Bên Cho Vay chấp thuận. Bên Cho Vay thông báo cho Bên Vay về việc số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

ĐIỀU 4. CÁC QUY ĐỊNH GIẢI NGÂN

4.1 Điều Kiện Tiên Quyết

Bên Cho Vay chỉ giải ngân Khoản Nợ nếu các điều kiện dưới đây được đáp ứng hoặc được Bên Cho Vay miễn trừ:

- (a) Bên Vay đề nghị giải ngân trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức và/hoặc khi Bên Vay phải nhận nợ để thanh toán L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp Đồng này sau Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức.
- (b) Các biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của Bên Cho Vay đã được đáp ứng;
- (c) Vào hoặc trước ngày giải ngân Khoản Nợ đầu tiên, Bên Vay chuyển giao cho Bên Cho Vay các văn bản của cấp có thẩm quyền của Bên Vay (nếu theo quy định tại Điều lệ hoặc theo quy định của pháp luật phải có) phê duyệt việc vay vốn, thế chấp/cầm cố tài sản.
- (d) Bên Vay đã mở tại Bên Cho Vay (các) tài khoản bằng Đồng Việt Nam (VND) hoặc Đô la Mỹ (USD) ("**Tài Khoản**") và thực hiện việc thanh toán thông qua (các) Tài Khoản mở tại Bên Cho Vay.
- (e) Người ký giấy nhận nợ phải là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền hợp lệ.
- (g) Các điều khoản, điều kiện khác tại Hợp Đồng này và yêu cầu của Bên Cho Vay đã và đang được Bên Vay tuân thủ, thực hiện.

4.2 Giải Ngân Vốn Vay

- (a) Khi giải ngân bất kỳ Khoản Nợ nào, Bên Vay phải lập, ký ba (3) Giấy Nhận Nợ và gửi kèm theo các tài liệu theo yêu cầu của Bên Cho Vay để chứng minh mục đích sử dụng vốn vay. Trường hợp Bên Vay không lập, ký Giấy Nhận Nợ để thanh toán L/C (nếu có) thì Bên Cho Vay lập và gửi thông báo nhận nợ cho Bên Vay.
- (b) Bên Cho Vay giải ngân Khoản Nợ bằng phương thức:
 - (i) Chuyển trực tiếp vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ví dụ như nhà cung cấp, nhà thầu, nhà tư vấn,...);
 - (ii) Chuyển tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản thanh toán của Bên Vay, trong trường hợp Bên Vay có nhu cầu vay để thanh toán các chi phí khác được Bên Cho Vay chấp thuận và không trái pháp luật.
- (c) Ngay sau khi chuyển tiền giải ngân/rút Khoản Nợ, Bên Cho Vay được quyền hạch toán Khoản Nợ và tính lãi trên Khoản Nợ đó từ thời điểm chuyển tiền giải ngân, rút tiền đó.

ĐIỀU 5. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay phát sinh theo Hợp Đồng này được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Bên Vay và/hoặc tổ chức/cá nhân khác giao kết với Bên Cho Vay và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác ("**Hợp Đồng Bảo Đảm**") được xác lập trước và/hoặc cùng và/hoặc được xác lập sau thời điểm giao kết Hợp Đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng này hoặc dẫn chiếu đến toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay với Bên Cho Vay.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO VAY

6.1 Quyền của Bên Cho Vay

- (a) Yêu cầu Bên Vay cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các tài liệu, thông tin liên quan đến Khoản Nợ, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, những thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, vốn, tài sản, điều lệ, đăng ký kinh doanh, địa điểm sản xuất kinh doanh, việc đổi mới sắp xếp lại hoạt động kinh doanh của Bên Vay và các thông tin khác theo quy định của Hợp Đồng này trước và trong suốt quá trình vay vốn.
- (b) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Vay.
- (c) Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn các Khoản Nợ theo thỏa thuận tại Điều 8 Hợp Đồng này.



- (d) Trường hợp Bên Cho Vay chủ động trích (ghi Nợ) tài khoản của Bên Vay để thu nợ thì có quyền sử dụng tiền trên tài khoản để quy đổi sang đồng tiền phải trả nợ theo tỷ giá do Bên Cho Vay quyết định tại thời điểm quy đổi tiền tệ.
- (đ) Thu nợ trước hạn trong trường hợp Bên Vay thu được tiền bán hàng hình thành từ vốn vay của Bên Cho Vay trước khi Khoản Nợ đến hạn.
- (e) Chủ động trích tiền từ Tài Khoản để thu nợ gốc, lãi khi quá hạn, đến hạn và/hoặc thu nợ trước hạn và/hoặc thu các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay với Bên Cho Vay theo quy định của Hợp Đồng này.
- (f) Tạm khóa tài khoản: Bên Cho Vay có quyền tạm khóa một phần hoặc toàn bộ số tiền trên bất kỳ Tài Khoản của Bên Vay, bao gồm số tiền hiện có trên Tài Khoản và/hoặc số tiền có trên Tài Khoản trong thời gian tạm khóa để phục vụ việc thu nợ gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay theo các nội dung được quy định tại Hợp Đồng này.
- (g) Giải ngân online
- Bên Cho Vay có quyền dùng giải ngân thông qua tiếp nhận Giấy nhận nợ và chứng từ giải ngân của Bên Vay gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua kênh eFAST/ERP từ Bên Vay trong trường hợp:
- + Bên vay không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng từ bản gốc và/hoặc chứng từ bản gốc khách hàng cung cấp không khớp với nội dung chứng từ bản scan đã được Khách hàng chuyển qua eFAST/ERP để làm cơ sở giải ngân và theo hướng bất lợi cho Bên Cho vay.
 - + Bên Vay vi phạm thời hạn cung cấp chứng từ bản gốc từ 3 lần liên tiếp trở lên/kỳ kiểm tra mà thời gian quá hạn (kể từ ngày liền kề sau ngày kết thúc thời hạn cung cấp chứng từ bản gốc được quy định trong hợp đồng ký với Bên Vay/thỏa thuận khác với Bên Vay) mỗi lần từ 05 ngày làm việc trở lên.
 - + Bên Vay không đáp ứng các điều kiện cấp tín dụng/giải ngân thông qua tiếp nhận Giấy nhận nợ và chứng từ giải ngân của Bên Vay gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu qua kênh eFAST/ERP từ Bên Vay theo các quy định hiện hành của Bên Cho Vay.
 - + Bên Vay phát sinh nợ quá hạn/có dư nợ bị phân loại nợ từ nhóm 2 trở lên tại các Tổ chức tín dụng (trừ trường hợp chuyển nhóm nợ do lỗi tác nghiệp)/vi phạm các nghĩa vụ cam kết với Bên Cho vay.
- (h) Các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng này và pháp luật.

6.2 Nghĩa vụ của Bên Cho Vay

- (a) Cung ứng vốn vay theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này;
- (b) Sử dụng các thông tin do Bên Vay cung cấp đúng mục đích, theo quy định tại Hợp Đồng này và pháp luật;
- (c) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này và pháp luật.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY

7.1 Quyền của Bên Vay

- (a) Được nhận tiền vay theo các điều kiện thỏa thuận trong Hợp Đồng này;
- (b) Từ chối các yêu cầu của Bên Cho Vay không đúng các thỏa thuận trong Hợp Đồng này.
- (c) Các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng này và pháp luật.

7.2 Nghĩa vụ của Bên Vay

- (a) Cam đoan và bảo đảm về việc đã tìm hiểu, hiểu rõ và đồng ý toàn bộ các thông tin do Bên Cho Vay cung cấp trước khi xác lập Hợp Đồng này bao gồm: Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; các loại phí và mức phí...và các thông tin khác liên quan đến các Khoản Vay.
- (b) Cam đoan và bảo đảm đã hoàn tất các thủ tục nội bộ và thủ tục khác để được phép ký kết, thực hiện Hợp Đồng này.
- (c) Sử dụng khoản nợ đúng mục đích và dùng toàn bộ nguồn thu để trả nợ và thanh toán gốc, lãi vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này.
- (d) Cung cấp cho Bên Cho Vay kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, chứng từ: (i) liên quan tới tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Báo cáo tài chính nộp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Báo cáo tài chính đã kiểm toán đối với trường hợp Bên Vay phải lập báo cáo tài chính theo quy định pháp luật, ..) và các thông tin khác theo yêu cầu của Bên Cho Vay và/hoặc ngay khi xảy ra sự kiện quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình kinh doanh của Bên Vay (như thay đổi nhân sự chủ chốt, thay đổi cơ cấu sở hữu vốn, thay đổi tài sản.) và; (ii) theo quy định của Bên Cho Vay phục vụ cho việc xem xét quyết định phương thức giải ngân vốn cho vay theo quy định, cũng như các thông tin, tài liệu khác theo quy định/yêu cầu của Bên



Cho Vay trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật. Bên Vay chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của tất cả các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Cho Vay.

(e) Không thể chấp, cầm cố, chuyển nhượng, chuyển giao, tặng cho, góp vốn tài sản được hình thành từ một phần hoặc toàn bộ vốn vay (bao gồm cả quyền tài sản, lợi ích có được từ việc định đoạt các tài sản đó) và không cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, chuyển giao, tặng cho, góp vốn các khoản phải thu được hình thành từ một phần hoặc toàn bộ vốn vay theo Hợp Đồng này cho bất kỳ tổ chức/cá nhân khác ngoài Bên Cho Vay, trừ trường hợp Bên Cho Vay đồng ý bằng văn bản.

(f) Bên Vay có nghĩa vụ bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm khác hoặc biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của Bên Cho Vay trong các trường hợp: (i) giá trị tài sản bảo đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm bị suy giảm giá trị; (ii) tài sản bảo đảm không còn hoặc bị thất lạc, bị kê biên, phong tỏa, bị thu hồi và/hoặc (iii) Hợp Đồng Bảo Đảm bị chấm dứt (trừ trường hợp theo thỏa thuận của các bên trong Hợp Đồng Bảo Đảm), bị tuyên bố vô hiệu và/hoặc (iv) bên bảo lãnh suy giảm khả năng tài chính theo đánh giá của Bên Cho Vay và/hoặc (v) văn bản bảo lãnh chấm dứt, vô hiệu, không thể thực hiện được.

(g) Chấp thuận và tạo điều kiện thuận lợi để Bên Cho Vay theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Bên Vay.

(h) Bên Vay xác nhận và đồng ý rằng Bên Cho Vay được toàn quyền xử lý dữ liệu, thông tin, tài liệu mà Bên Vay cung cấp theo quy định của pháp luật, Điều Khoản và Điều Kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân do NHCTVN công bố trong từng thời kỳ (bao gồm dữ liệu cá nhân của người đại diện theo pháp luật của Bên Vay, lãnh đạo, cổ đông, thành viên góp vốn của Bên Vay) cho các mục đích phục vụ giao kết, thực hiện Hợp Đồng này, phục vụ các hoạt động kinh doanh, cung cấp các sản phẩm/dịch vụ của Bên Cho Vay theo quy định của pháp luật.

Bên Vay đồng ý ủy quyền vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Cho Vay được phép liên hệ với các tổ chức, cá nhân khác để thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật các thông tin liên quan đến Bên Vay (bao gồm các dữ liệu cá nhân của người đại diện theo pháp luật của Bên Vay, lãnh đạo, thành viên góp vốn, cổ đông...) để phục vụ cho mục đích giao kết, thực hiện Hợp Đồng này và cho phép các tổ chức cá nhân này được cung cấp thông tin của Bên Vay mà tổ chức, cá nhân đó đang nắm giữ, lưu trữ cho Bên Cho Vay và Bên Cho Vay được toàn quyền xử lý dữ liệu của Bên Vay phục vụ cho mục đích giao kết và thực hiện Hợp Đồng này.

Bên Vay đã hiểu rõ các quyền, nghĩa vụ của mình đối với các dữ liệu mà Bên Vay cung cấp và đồng ý cho Bên Cho Vay được toàn quyền xử lý dữ liệu của Bên Vay theo quy định của pháp luật, Điều Khoản và Điều Kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân do NHCTVN công bố trong từng thời kỳ.

(i) Trong quá trình giao kết, thực hiện Hợp đồng, Bên Vay cam kết không ký không chứng từ, tài liệu, không ký khi chưa đọc nội dung, không ký khi nội dung chưa đúng, chưa đủ nội dung giao dịch. Bên Vay cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bên Cho Vay về tính đầy đủ, chính xác, trung thực, hợp pháp của tất cả các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Cho Vay trong quá trình giao kết và thực hiện Hợp Đồng (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin do Bên Vay cung cấp và được thể hiện tại Hợp đồng và tài liệu liên quan, các tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn,...).

Trong trường hợp Bên Vay vi phạm cam kết quy định tại điều khoản này dẫn đến việc cấp tín dụng và việc giao kết, thực hiện Hợp Đồng này của Bên Cho Vay bị ảnh hưởng, Bên Vay cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bên Cho Vay, đồng thời Bên Vay cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với Bên Cho Vay về việc này.

(k) Bên Vay cam kết không thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, không vay ké, không vay hộ dẫn đến ảnh hưởng bất lợi cho Bên Cho Vay. Bên Vay tự chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và Bên Cho Vay trong trường hợp vi phạm cam kết này.

(l) Bên Vay đồng ý thanh toán hoặc hoàn trả các nghĩa vụ tài chính đã nhận được từ việc phát sinh lỗi lệ (lỗi) và hoặc bất kỳ sự kiện rủi ro nào khác phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch theo Hợp Đồng này (nếu có).

(m) Trừ trường hợp Bên Cho Vay chấp thuận bằng văn bản, Bên Vay sẽ sử dụng ngay tiền thu được từ bán, cho thuê sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ hình thành từ vốn vay để trả nợ cho Bên Cho Vay cho dù chưa đến hạn.

(n) Bảo hiểm: Bên Vay sẽ mua và duy trì, hoặc buộc bên thứ ba mua và duy trì bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến đối tượng vay với giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng mức cho vay và Bên Cho Vay được ghi bên thụ hưởng tiền bảo hiểm đầu tiên.

(o) Tài khoản: (i) Bên Vay sẽ duy trì các Tài Khoản; và (ii) Bên Vay sẽ nộp/chuyên nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và các nguồn tiền khác (nếu có) về tài khoản mở tại Bên cho vay tối thiểu tương ứng với tỷ lệ cấp tín dụng (tính trên tỷ lệ doanh số cho vay ngắn hạn) của Bên cho vay so với các TCTD khác hoặc tối thiểu không thấp hơn 120% Doanh số cho vay đối với Bên vay.

Chữ ký



- (p) Thông báo cho Bên Cho Vay và chỉ thực hiện tạm ngừng kinh doanh, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể, nộp đơn phá sản, cổ phần, hóa doanh nghiệp hoặc bất kỳ hình thức tái tổ chức nào sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Bên Cho Vay.
- (q) Cam kết rút vốn tối thiểu 30% Hạn Mức Cho Vay trong thời gian duy trì hạn mức.
- (r) Bồi thường cho Bên Cho Vay các thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh từ và liên quan tới Hợp Đồng này mà Bên Cho Vay phải gánh chịu do việc vi phạm Hợp Đồng của Bên Vay theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này.
- (s) Chấp thuận và đồng ý cho Bên Cho Vay được quyền chủ động trích (ghi Nợ) Tài Khoản để thu nợ gốc, lãi khi đến hạn và/hoặc thu nợ trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc thu các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay với Bên Cho Vay theo quy định của Bên Cho Vay từng thời kỳ.
- (t) Bên Vay đồng ý cho Bên Cho Vay tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay để thực hiện thu gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác quá hạn của Bên Vay với các nội dung chi tiết như sau:
- (i) Điều kiện để Bên Cho Vay thực hiện tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay: Bên Vay không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này; và/hoặc
- (ii) Thời điểm Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được thực hiện tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay: Bên Vay đồng ý về việc sau khi phát sinh trường hợp để Bên Cho Vay thực hiện tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay theo điểm (i) nêu trên, Bên Cho Vay được quyền chủ động theo dõi, đánh giá tình hình Bên Vay để quyết định thời điểm thực hiện tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay.
- (iii) Số tiền tạm khóa và chấm dứt tạm khóa mà Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được thực hiện tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay theo Hợp Đồng này:
- + Số tiền thực hiện tạm khóa trên Tài Khoản: Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được quyền quyết định số tiền tạm khóa trên các Tài Khoản của Bên Vay tối thiểu bằng tổng dư nợ gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác quá hạn hoặc tối thiểu bằng tổng dư nợ gốc quá hạn của các Khoản Nợ của Bên Vay phát sinh theo Hợp Đồng này. Trong thời gian tạm khóa các Tài Khoản của Bên Vay, Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được quyền chủ động điều chỉnh số tiền tạm khóa của Bên Vay.
- + Thời gian tạm khóa Tài Khoản: Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay được quyền chấm dứt tạm khóa một phần hoặc toàn bộ số tiền tạm khóa trên các Tài Khoản của Bên Vay và trích (ghi Nợ) các Tài Khoản của Bên Vay đối với số tiền chấm dứt tạm khóa để thu các khoản gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác quá hạn của Bên Vay phát sinh theo Hợp Đồng này và/hoặc Bên Cho Vay được quyền chấm dứt tạm khóa Tài Khoản khi Bên Vay không còn bất kỳ khoản nợ gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính quá hạn nào khác phát sinh theo Hợp Đồng này.
- (u) Bên Vay tự nguyện cam kết rằng sẽ ưu tiên mua ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam khi có nhu cầu nếu các điều kiện mua bán đảm bảo cạnh tranh so với thị trường tại thời điểm mua bán. Trường hợp Bên Vay được Bên Cho Vay giải ngân VND để mua ngoại tệ thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu hoặc giải ngân ngoại tệ để thanh toán VND phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh thì Bên Vay đồng ý thực hiện mua hoặc bán ngoại tệ với Bên Cho Vay theo tỷ giá do Bên Cho Vay thông báo tại thời điểm phát sinh việc giải ngân hoặc tại thời điểm thực hiện mua, bán ngoại tệ. Đồng thời Bên Vay tự nguyện cam kết rằng sẽ ưu tiên sử dụng sản phẩm tài trợ thương mại và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng do Bên Cho Vay cung cấp khi Bên Vay có nhu cầu.
- (v) Đảm bảo tính chính xác, chân thực của chứng từ CMMĐSDV dưới dạng thông điệp dữ liệu và các chứng từ khác được gửi dưới dạng scan/bản gốc. Định kỳ hàng quý cung cấp bản gốc chứng từ CMMĐSDV cho Bên Cho Vay đối với các chứng từ đã gửi bản scan màu qua eFAST/ERP theo yêu cầu của Bên Cho vay, đảm bảo đúng thời hạn cung cấp và đảm bảo tính chính xác, chân thực của chứng từ, có nội dung khớp đúng, so với các chứng từ đã gửi qua eFAST/ERP.
- (z) Nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 8. CHẤM DỨT CHO VAY VÀ THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN

8.1 Bên Cho Vay được quyền tuyên bố chấm dứt cho vay và/hoặc thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ dư nợ gốc và lãi cộng dồn (vào ngày do Bên Cho Vay ấn định bằng thông báo cho Bên Vay) khi phát sinh hoặc tiếp diễn một trong các sự kiện sau:

- (a) Bên Vay không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ gốc đến hạn của bất kỳ Khoản Nợ nào, lãi đến hạn tính trên bất kỳ Khoản Nợ nào, và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính khác đến hạn theo quy định tại Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm.
- (b) Bên Vay bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy tờ pháp lý tương đương và/hoặc (i) Giấy phép kinh doanh và các giấy tờ pháp lý tương đương; hoặc (ii) Bên Vay bị chủ nợ, đại diện công đoàn, đại diện người lao động hoặc bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác nộp đơn yêu cầu tòa án tuyên bố phá sản; hoặc (iii) Bên Vay nộp đơn yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản; hoặc (iv) Bên Vay tạm ngừng kinh doanh hoặc tuyên bố ngừng hoặc tạm ngừng một phần đáng kể hoạt động



của mình; hoặc (v) giải thể; hoặc (vi) không còn khả năng hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ đến hạn.

(c) Bất kỳ hành động hoặc sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện nào xảy ra cho dù có liên quan hay không mà theo đánh giá của Bên Cho Vay sẽ gây ra thay đổi bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh hoặc tình hình tài chính hoặc khả năng trả nợ của Bên Vay.

(d) Bên Vay vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào được quy định trong Hợp Đồng này và các văn bản, thỏa thuận, cam kết liên quan khác với Bên Cho Vay mà không thể khắc phục được hoặc không được khắc phục trong thời hạn mà Bên Cho Vay yêu cầu.

(e) Vi phạm chéo: (i) Bên Vay không thực hiện hoặc không tuân thủ các nghĩa vụ theo bất kỳ thỏa thuận hoặc văn bản nào liên quan đến bất kỳ khoản nợ nào của Bên Vay và/hoặc các Bên Có Liên Quan (trừ các khoản nợ đến hạn theo Hợp Đồng này) tại Bên Cho Vay; hoặc (ii) Bên Vay có dư nợ xấu tại các tổ chức tín dụng khác.

8.2 Bên Cho Vay chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc mà Bên Vay không thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo như thông báo của Bên Cho Vay. Ngoài các quyền và biện pháp khắc phục được phép theo pháp luật và Hợp Đồng này, Bên Cho Vay có quyền áp dụng một hoặc tất cả các biện pháp khắc phục sau đây:

(a) Chủ động trích tiền từ Tài Khoản hoặc bất kỳ tài khoản nào tại bất kỳ Chi nhánh nào của NHCTVN để thu nợ.

(b) Bù trừ nghĩa vụ nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng này với nghĩa vụ thanh toán của Bên Cho Vay (bao gồm cả các Chi nhánh khác của NHCTVN) với Bên Vay phát sinh theo bất kỳ thỏa thuận nào đã được xác lập trước đó; Trường hợp nghĩa vụ nợ theo Hợp Đồng này và nghĩa vụ thanh toán của Bên Cho Vay với Bên Vay theo thỏa thuận khác có loại đồng tiền khác nhau, Bên Cho Vay được toàn quyền thực hiện việc quy đổi sang đồng tiền nhận nợ theo tỷ giá do Bên Cho Vay xác định tại thời điểm quy đổi và Bên Cho Vay được quyền thu các loại phí liên quan khi thực hiện quy đổi tiền tệ theo quy định của Bên Cho Vay mà không cần phải có thêm bất cứ một hợp đồng/thỏa thuận mua bán ngoại tệ nào giữa Các Bên.

(c) Đại diện và nhân danh Bên Vay yêu cầu và/hoặc Lập lệnh chi và/hoặc Ủy nhiệm chi gửi các tổ chức tín dụng khác (bao gồm cả Chi nhánh của Tổ chức tín dụng đó) để trích tiền gửi từ tài khoản của Bên Vay tại tổ chức tín dụng đó về Tài Khoản để thu nợ.

(d) Xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm nào theo bất kỳ phương thức hoặc trình tự nào mà Bên Cho Vay cho là thích hợp, phù hợp với thỏa thuận tại Hợp Đồng Bảo Đảm.

(e) Thực hiện bất kỳ thủ tục pháp lý nào để yêu cầu Bên Vay thực hiện nghĩa vụ.

ĐIỀU 9. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

9.1 Phạt Vi Phạm

Trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc sau khi được yêu cầu, Bên Vay phải thanh toán cho Bên Cho Vay khoản tiền phạt vi phạm được tính bằng 0% trên Hạn Mức Cho Vay nêu hết Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức của Hợp Đồng này mà không có Khoản Nợ nào (trừ Khoản Nợ theo liệt kê chi tiết tại Phụ Lục I Hợp Đồng này) được giải ngân theo Hợp Đồng này hoặc tổng số tiền giải ngân của các Khoản Nợ theo Hợp Đồng này ít hơn Hạn Mức Cho Vay theo quy định tại Hợp Đồng này.

9.2 Bồi thường thiệt hại

Ngoài khoản tiền phạt theo quy định của Khoản 9.1 Điều 9, Bên Vay đồng thời phải bồi thường cho Bên Cho Vay các thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh từ và liên quan tới Hợp Đồng này mà Bên Cho Vay phải gánh chịu do việc vi phạm Hợp Đồng của Bên Vay (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các hành vi vi phạm theo quy định của Khoản 9.1 Điều 9).

ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

10.1 Thông Báo

(a) Hình thức thông báo: Trừ khi có quy định rõ ràng khác trong Hợp Đồng này, tất cả các thông báo và thông tin khác được đưa ra theo Hợp Đồng này được gửi đi bằng một trong các hình thức: (i) email và các kênh điện tử/nền tảng công nghệ khác (như tin nhắn gửi qua số điện thoại, hệ thống VietinBank iPay, VietinBank Efast...) (ii) đường bưu điện, (iii) giao tận tay hoặc (iv) fax (và các bản gốc được gửi bằng đường bưu điện trong vòng hai (02) Ngày Làm Việc sau đó) theo địa chỉ được ghi cụ thể dưới đây:

Bên Cho Vay

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh

Địa chỉ: Tổ 4 – Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Bên Vay

Công ty cổ phần XS&KD Vật tư thiết bị - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội.



Fax: 024.38833915

Người nhận: TP KHDN VVN

Fax

Người nhận: Giám Đốc, Kế Toán Trưởng

Các Bên thống nhất rằng, Bên Cho Vay được quyền chủ động quyết định hình thức gửi thông báo, thông tin cho Bên Vay và các Thông báo, thông tin này là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này. Bên Vay được quyền áp dụng hình thức gửi thông báo qua kênh điện tử, nền tảng công nghệ theo hướng dẫn của NHCTVN trong từng thời kỳ hoặc áp dụng các hình thức gửi thông báo, thông tin khác theo quy định tại Hợp Đồng này

(b) Bên Vay cam kết rằng Bên Vay/Người đại diện hợp pháp của Bên Vay sẽ duy trì/có mặt tại địa chỉ nêu tại điểm 10.1(a) hoặc địa chỉ khác được thông báo cho Bên Cho Vay để nhận các thông tin thực hiện và giải quyết tranh chấp Hợp Đồng. Trường hợp Bên Vay/Người đại diện hợp pháp của Bên Vay không duy trì/có mặt tại địa chỉ này liên tục ba mươi (30) ngày và không thông báo địa chỉ mới cho Bên Cho Vay thì Bên Vay/Người đại diện hợp pháp được coi là giấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ thực hiện (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ) Hợp Đồng. Khi đó, Bên Cho Vay được quyền khởi kiện và đề nghị Toà án cấp có thẩm quyền thụ lý vụ án theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt Bên Vay/Người đại diện hợp pháp của Bên Vay mà không cần tiến hành bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác.

(c) Trường hợp việc gửi thông báo được thực hiện qua email và các kênh điện tử/nền tảng công nghệ khác, Bên Vay đồng ý rằng bằng việc (i) truy cập vào email; (ii) truy cập vào các kênh điện tử/nền tảng công nghệ do Bên Cho Vay cung cấp bằng chính tên đăng nhập và mật khẩu của Bên Vay, (iii) nhập mã OTP (One Time Password) do Bên Cho Vay gửi đến số điện thoại của Bên Vay đã đăng ký với Bên Cho Vay và/hoặc sử dụng chữ ký điện tử và/hoặc xác thực theo các phương pháp khác do Bên Cho Vay thực hiện từng thời kỳ (nếu có) để Bên Vay đăng ký dịch vụ, giao kết các thỏa thuận/hợp đồng với Bên Cho Vay khi sử dụng các sản phẩm/dịch vụ trên các kênh điện tử/nền tảng công nghệ do Bên Cho Vay cung cấp; nội dung đăng ký, thỏa thuận/hợp đồng/xác thực này thể hiện ý chí chấp thuận của Bên Vay về các thông báo, điều khoản, điều kiện của Hợp đồng, thỏa thuận dịch vụ đó khi thực hiện các giao dịch với Bên Cho Vay.

10.2 Sửa Đổi, Bổ Sung Hợp Đồng

Trường hợp được quy định một cách rõ ràng khác đi, Hợp Đồng này và bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung khi có văn bản sửa đổi, bổ sung có chữ ký của các bên tham gia Hợp Đồng này.

10.3 Chuyển Nhượng Hợp Đồng

(a) Bên Cho Vay có quyền chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình phát sinh từ Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm cho bên thứ ba mà không cần phải có sự chấp thuận của Bên Vay, ngoại trừ nghĩa vụ thông báo về việc chuyển giao, chuyển nhượng.

(b) Bên Vay được quyền chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình phát sinh từ Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm khi được Bên Cho Vay đồng ý trước bằng văn bản.

10.4 Tiết Lộ Thông Tin

a. Tiết lộ thông tin cho Công ty Thông tin tín dụng

a.1) Thỏa thuận cung cấp thông tin tín dụng cho Công ty CP thông tin tín dụng Việt Nam Tại thời điểm ban hành văn bản, thông tin của Công ty Cổ phần Thông tin Tín dụng Việt Nam như sau Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102547296, đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007 và các lần đăng ký thay đổi (nếu có). Trường hợp thông tin Công ty CP Thông tin Tín dụng Việt Nam thay đổi, Chi nhánh chủ động cập nhật theo hướng dẫn của NHCTVN từng thời kỳ (nếu có) (hoặc các Công ty thông tin tín dụng khác mà Bên Cho Vay dự kiến là tổ chức tham gia) ("**Công ty thông tin tín dụng**"):

(i) Bên Vay đồng ý cho Bên Cho Vay cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay tại Bên Cho Vay cho Công ty thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật.

(ii) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp và việc thực hiện cung cấp thông tin tín dụng của Bên Cho Vay cho Công ty thông tin tín dụng đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.

(iii) Khi Công ty thông tin tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận, Bên Cho Vay sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay cho Công ty thông tin tín dụng và Bên Vay đồng ý thông tin tín dụng của Bên Vay tại Công ty thông tin tín dụng được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Bên Cho Vay có trách nhiệm thông báo với Bên Vay về việc xử lý thông tin tín dụng của Bên Vay trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Bên Cho Vay nhận được thông báo của Công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.

Chữ ký



(iv) Bên Vay đồng ý rằng Công ty thông tin tín dụng được sử dụng các thông tin tín dụng của Bên Vay do Bên Cho Vay cung cấp để sử dụng vào các mục đích và cung cấp thông tin cho bên thứ ba theo quy định của pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

a.2) Thỏa thuận về việc Công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng:

(i) Bên Vay đồng ý cho Bên Cho Vay được Công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên Vay.

(ii) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp, việc sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên Vay được Công ty thông tin tín dụng cung cấp đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.

b. Tiết lộ thông tin:

Bên Cho Vay phải bảo mật bất kỳ thông tin nào (thông tin liên quan tới Hợp Đồng này, các thông tin về tất cả các giao dịch, quan hệ tín dụng giữa Các Bên) được cung cấp bởi Bên Vay hoặc nhân danh Bên Vay, trừ trường hợp: (i) thông tin được công bố công khai mà không phải là hậu quả của việc Bên Cho Vay vi phạm điểm này; (ii) liên quan đến bất kỳ thủ tục tố tụng trọng tài hoặc thủ tục pháp lý nào; (iii) nếu được yêu cầu theo quy định pháp luật có liên quan; (iv) cung cấp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; (v) cung cấp cho các cơ quan kiểm toán thực hiện kiểm toán Bên Cho Vay; (vi) cho các chuyên gia tư vấn, cố đồng của Bên Cho Vay; (vii) cung cấp cho các tổ chức/cá nhân tiến hành thẩm định và cung cấp sản phẩm, dịch vụ, vốn cho Bên Cho Vay với điều kiện các tổ chức/cá nhân đó đã thỏa thuận bảo mật thông tin với Bên Cho Vay; (viii) cung cấp cho các bên trong Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc các trường hợp khác được Bên Vay chấp thuận; (ix) Cung cấp cho tổ chức, cá nhân (bao gồm cả việc cung cấp thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin của Bên Cho Vay) nhằm phục vụ cho mục đích sau:

- Bán khoản nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng;
- Xử lý tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm theo các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- Để thực hiện công việc theo ủy quyền của Bên Cho Vay đối với việc quản lý và xử lý khoản nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng;
- Thực hiện bất kỳ phương thức quản lý và xử lý khoản nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng phù hợp với quy định pháp luật.

10.5 Luật Điều Chỉnh, Cơ Quan Giải Quyết Tranh Chấp

(a) Hợp Đồng này, các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này được giải thích, điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.


(b) Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Hợp Đồng này sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

10.6 Số Bản Gốc

Hợp Đồng này được lập thành 03 (ba) bản gốc có hiệu lực ngang nhau. Bên Cho Vay giữ 02 (hai) bản gốc và Bên Vay giữ 01 (một) bản gốc.

10.7 Hiệu Lực

Hợp Đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày giao kết Hợp Đồng. Khi Bên Vay trả hết nợ gốc, nợ lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) đồng thời hết Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức theo Hợp Đồng này thì Hợp Đồng này mặc nhiên được thanh lý.

ĐỀ GHI NHẬN CÁC THỎA THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, Bên Vay đã đọc, hiểu rõ nội dung, thông tin tại Hợp Đồng này. Bên Vay xác nhận trước khi giao kết Hợp Đồng này, Bên Vay đã được Bên Cho Vay cung cấp đầy đủ thông tin về giao kết, thực hiện Hợp Đồng, Thông báo điều kiện, điều khoản cơ bản trước khi giao kết Hợp Đồng và đã ký xác nhận đối với Thông báo này. 

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

Số: 0039/TTr-HĐQT

Hà nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị,
Thành viên Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025, CÔNG TY CỔ PHẦN SX & KD VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI. Ban hành kèm theo QĐ số 0078/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2021.

- Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ, quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

- Căn cứ công văn chỉ đạo của Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua mức chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty như sau:

1/ Kết quả chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2024 cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số người	Mức thù lao/thg(đồng)	Số tháng	Thù lao năm 2024(đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	4 320 000	12	51 840 000
2	Thành viên HĐQT	02	3 780 000	12	90 720 000
3	TB kiểm soát	01	3 980 000	12	47 760 000
4	Thành viên BKS	02	3 780 000	12	90 720 000
Tổng cộng					281 040 000

(Hai trăm tám mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

2/ Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, TV BKS năm 2025:

- Căn cứ các quy định của Nhà nước và quy định của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP tại thời điểm năm 2025; Kế hoạch chi trả thù lao năm 2025 của Thành viên HĐQT, BKS Công ty như sau:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao/thg(đg)	Năm 2025(đg)
1	Chủ tịch HĐQT	01	4 320 000	51 840 000
2	Thành viên HĐQT	02	3 780 000	90 720 000
3	TB kiểm soát	01	3 980 000	47 760 000
4	Thành viên BKS	02	3 780 000	90 720 000
Tổng cộng				281 040 000

(Hai trăm tám mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

(Đây là mức tối thiểu, trong năm căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các Người quản lý công ty (NQL) được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của NQL)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./. 

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT(Ch).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Dũng



Số: 0005 / TTr - BKS

Hà nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

*V/v Ủy quyền cho Hội đồng quản trị
lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VTTB - VVMI**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011.
- Căn cứ điều 48 Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI. Ban hành kèm theo QĐ số 0078/QĐ- HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2021.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI trình Đại hội về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025 như sau:

Yêu cầu đối với công ty kiểm toán độc lập

Thuộc danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận do Bộ Tài chính công bố hàng năm.

Căn cứ vào các công ty kiểm toán đã từng tham gia kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của công ty. Ban kiểm soát lựa chọn và trình 03 Công ty kiểm toán đề xuất tham gia kiểm toán Báo cáo quyết toán tài chính năm 2023 của công ty:

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.
- Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Để đảm bảo thuận tiện cho việc lựa chọn Công ty kiểm toán, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 01 công ty kiểm toán trong danh sách trên để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty theo luật định trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT(Ch)

**TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN**



Trần Thu Hương

BẢNG TÓM TẮT 3 CÔNG TY KIỂM TOÁN

Trong nhiều năm từ 2000 – 2024 Công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm Công ty chọn hoặc chào thầu đều có 3 Công ty thường xuyên tham gia và thường hoán đổi khi đã thực hiện liên 2 năm.

1. Công ty TNHH Kiểm toán BDO

BDO quốc tế là công ty dịch vụ kiểm toán chuyên nghiệp lớn thứ năm trên toàn cầu và là một trong những công ty kiểm toán quốc tế có mạng lưới phát triển nhanh nhất thế giới, trong đó:

- Gần 88.120 chủ phần hùn và nhân viên chuyên nghiệp;
- 1.809 văn phòng hoạt động tại 167 quốc gia;
- Doanh thu trên toàn thế giới vượt 9,6 tỷ đô la Mỹ vào năm 2019.

Mạng lưới BDO quốc tế chia sẻ một văn hóa và niềm đam mê chung về các chủ đề:

- Nhân viên chất lượng: Tập trung đầu tư và tuyển dụng những người giỏi nhất, đồng thời đặc biệt chú trọng vào các mối quan hệ cá nhân bền chặt trong toàn bộ mạng lưới công ty.
- Dịch vụ chất lượng: Cung cấp dịch vụ chất lượng không chỉ dựa trên chuyên môn cao về nghề nghiệp mà còn dựa trên sự nhạy bén trong kinh doanh, nhận thức thương mại và tri thức bản địa.

Một điểm đáng chú ý của của mạng lưới BDO là niềm tin của tập đoàn rằng mối quan hệ trong công việc giữa con người là yếu tố then chốt.

BDO đã có mặt tại Việt Nam từ năm 2000 với văn phòng tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp.

BDO Việt Nam, là một phần của mạng lưới BDO quốc tế, áp dụng các thông lệ toàn cầu theo chuẩn mực quốc tế. Có 24 năm hoạt động trong lĩnh vực Kiểm toán với đội ngũ (145 người trong đó số Kiểm toán viên đăng ký hành nghề: 21 người, Kiểm toán viên có chứng chỉ: 31 người) thực hiện dịch vụ Kiểm toán, dịch vụ Thẩm định giá, Dịch vụ tư vấn thuế.

Tham gia kiểm toán các Tập đoàn, Tổng Công ty, các Doanh nghiệp lớn trong nền Kinh tế tại Việt Nam.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Thành viên độc lập Hãng kiểm toán quốc tế **LEA GLOBAL** - là Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán, kế toán, định giá tài sản, tư vấn tài chính, thuế, đầu tư, kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, ... tại Việt Nam. VAE luôn đứng trong danh sách 10 công ty kiểm toán độc lập có các chỉ số cao nhất (*Số lượng kiểm toán viên hành nghề, số lượng nhân viên, số lượng khách hàng, doanh thu...*) và được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận:

+ Là 01 trong 12 công ty kiểm toán đầu tiên được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam từ năm 2006.

+ Là 01 trong số các công ty kiểm toán được Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) chấp nhận đủ điều kiện kiểm toán cho các dự án do WB, ADB tài trợ vốn.



+ Là 01 trong 11 tổ chức đầu tiên có đủ điều kiện thực hiện Thẩm định giá từ năm 2006.

+ Là 01 trong số 13 tổ chức đầu tiên có đủ điều kiện thực hiện công tác xác định giá trị doanh nghiệp từ năm 2006.

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - thành viên Hãng UHY International, là một trong những Công ty chuyên ngành tốt nhất cung cấp dịch vụ kiểm toán, tư vấn định giá, tư vấn tài chính, đào tạo và các dịch vụ chuyên nghiệp khác. Hơn thế nữa, Quý Công ty sẽ thấy UHY LTD là một Công ty tư vấn chuyên nghiệp cho hợp tác lâu dài, đóng góp cho sự phát triển và thành công lâu dài của Quý Công ty.

UHY là thành viên đầy đủ và đại diện duy nhất của UHY International - Hãng kiểm toán và định giá hàng đầu thế giới, là Công ty kiểm toán và định giá hàng đầu trong nhóm Top 10 công ty kiểm toán, định giá và tư vấn tài chính độc lập tại Việt Nam được các tổ chức Quốc tế, Cơ quan thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước... đánh giá, xác nhận.

Là Công ty kiểm toán đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn **Quản lý chất lượng dịch vụ ISO 9001 về cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp về Kiểm toán, kế toán, tài chính, thuế, xác định giá trị doanh nghiệp, thẩm định giá và đào tạo bởi BRITISH CERTIFICATIONS INC.**

Là một trong những tổ chức đầu tiên được chấp thuận là **Tổ chức kiểm toán độc lập cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam từ năm 2006 đến nay.**

Là Công ty kiểm toán được **Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á chấp thuận được cung cấp dịch vụ chuyên ngành cho các dự án, tổ chức có sử dụng nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế, tài trợ (như WB, ADB, UNDP, DANIDA, GTZ...).**

Là Công ty kiểm toán được chứng nhận **Top thương hiệu hàng đầu năm 2014 của - Liên hiệp khoa học kinh tế Việt Nam - Global GTA và Interconfomity cấp.**

Là một trong những tổ chức đầu tiên có đủ điều kiện thực hiện công tác xác định giá trị doanh nghiệp và tư vấn cổ phần hóa từ năm 2004 đến nay.

Là một trong những tổ chức đầu tiên có đủ điều kiện hành nghề **Thẩm định giá từ khi Luật giá năm 2012 ra đời đến nay.**

Là Công ty kiểm toán đầu tiên tại Việt Nam được công nhận là **tổ chức đào tạo chính thức của ICAEW (Viện Kế toán công chứng Anh và xứ Wales).**

Là Công ty có đầy đủ các điều kiện kinh doanh cung cấp các dịch vụ kiểm toán, kế toán, tư vấn, thẩm định giá, xác định giá trị doanh nghiệp... theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại Việt Nam, UHY được cấp giấy phép hoạt động từ năm 2001, hơn 20 năm phát triển liên tục, UHY đã khẳng định được vị thế hàng đầu trong lĩnh vực kiểm toán, định giá, thẩm định giá, đào tạo và tư vấn tài chính, cam kết cho mục tiêu phát triển lâu dài của các khách hàng (nhiều khách hàng lựa chọn dịch vụ của UHY từ năm 2001 và vẫn đang tiếp tục sử dụng dịch vụ của chúng tôi).



Số: 0040/TTr-HĐQT

Hà nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch
đầu tư xây dựng, kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2025
của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh VTTB – VVMI.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025,
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VTTB – VVMI

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI. Ban hành kèm theo QĐ số 0078/QĐ - HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

- Căn cứ báo cáo phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 của Giám đốc Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua: Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch đầu tư xây dựng và kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2025 cụ thể:

1/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	KH năm 2025	Ghi chú
I	Hiện vật chủ yếu			
1	SX, Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK	Vỏ	12 880 000	
2	SX, Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M ²	1 550 000	
3	SX, Tiêu thụ Lưới dập giãn	Kg	1 200 000	
4	SX, Tiêu thụ Gông lò	Bộ	500 000	
5	Lao động bình quân	Người	144	
II	Chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng doanh thu thuần	Tr.đg	299 266	
	<i>Trong đó</i>			
+	Doanh thu sản xuất	Tr.đg	213 112	
+	Doanh thu kinh doanh VTTB	Tr.đg	84 107	
+	Doanh thu cho thuê tài sản	Tr.đg	2 047	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đg	2 600	
3	Thuế TNDN	Tr.đg	520	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đg	2 080	
5	Nộp NSNN (Số phải nộp)	Tr.đg	2 779	
6	Lương BQ/người/tháng	1.000đg	10 517	
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	12	

2/ Kế hoạch đầu tư xây dựng:

TT	Tên hạng mục đầu tư	Đơn vị	KH năm 2025	Ghi chú
1	Đầu tư xây dựng hệ thống PCCC	Tr.đ	9 600	
2	Đầu tư xe tải 15 tấn	Tr.đ	2 280	
3	ĐTXD hệ thống xử lý nước thải	Tr.đ	750	
4	Đầu tư xe nâng trọng tải 5 tấn	Tr.đ		
Tổng cộng			12 630	

3/ Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2025.

STT	Đối tượng LĐ	LĐ 31/12/2024	Dự kiến giảm năm 2025	LĐ KH 2025	LĐ cần tuyển dụng	Thời gian tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng
1	LĐ C.nghệ	94	2	99	7	Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm	Tuyển mới
2	LĐ phục vụ, phụ trợ	17		19	2	Theo nhu cầu tại thời điểm	Tuyển mới
3	LĐ quản lý	23		26	3	Theo nhu cầu tại thời điểm	Tuyển mới
Tổng cộng		134	2	144	12		

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua./. 

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT(Ch)



Nguyễn Văn Dũng



Số: 004 1/TTr-HĐQT

Đông Anh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch của Công ty với những đối tượng có lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 167 - Luật Doanh nghiệp

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI;

Theo quy định tại Điều 167 - Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty: Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng có liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận nếu giá trị hợp đồng lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc được HĐQT chấp thuận nếu giá trị hợp đồng nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

Trong năm 2025 Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI dự kiến có ký kết các hợp đồng giao dịch liên quan lớn hơn 35% đối tượng liên quan là các đơn vị thành viên Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam TKV

Để thuận lợi và kịp thời cho Công ty trong việc ký kết hợp đồng đảm bảo kịp thời cho SXKD của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua và đồng ý cho Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI được thực hiện ký kết các hợp đồng giao dịch liên quan trong năm 2025 có giá trị hợp đồng giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất đối với các đơn vị thành viên của Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP, các đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam TKV và các và các đơn vị ngoài TKV. Việc thực hiện ký kết hợp đồng liên quan phải đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về các hợp đồng mua bán, giao dịch.

(Có danh sách kèm theo)

Trong quá trình SXKD trong năm 2025 nếu có phát sinh các hợp đồng liên quan theo quy định tại Điều 167 - Luật Doanh nghiệp thì Đại hội đồng Cổ đông đồng ý cho Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện giao dịch ký kết hợp đồng với các bên liên quan đảm bảo lợi ích của công ty và theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy

chế hiện hành của Công ty. Báo cáo việc thực hiện các hợp đồng liên quan vào kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025 Công ty xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT(Ch).



Nguyễn Văn Dũng

018
CÔNG
CỔ
ẢNH
INH
TƯ
V
GAN

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG CÓ LỢI LÍCH LIÊN QUAN DỰ KIẾN SẼ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH TRONG NĂM 2025

(Kèm theo tờ trình số 004 VTTr-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2025)

STT	Tên doanh nghiệp/Người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Lĩnh vực giao kết
I	Công ty dự kiến ký hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất			
1	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Tổ 5, khu phố Trần Hưng Đạo, Phường Cẩm Thạch - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng bán Lưới thép, vật tư hàng hóa (dự kiến giá trị là 90 tỷ đồng)
2	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông lớn	Phường Mông Dương - Thành Phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng bán lưới thép, vật tư hàng hóa (dự kiến giá trị là 30 tỷ đồng)
3	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Đắc Nông - TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Thôn 11, xã Nhân Cơ, Huyện Đắc R'Lấp, Tỉnh Đắc Nông	Hợp đồng bán vỏ bao Alumin (dự kiến giá trị là 38 tỷ đồng)
4	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	Người có liên quan của cổ đông lớn	Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên	Hợp đồng bán vỏ bao xi măng (dự kiến giá trị là 40 tỷ đồng)
5	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang VVMI	Người có liên quan của cổ đông lớn	Xóm 5, Xã Trảng Đà, Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Hợp đồng bán vỏ bao xi măng (dự kiến giá trị là 25 tỷ đồng)
6	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê - TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Khu Dân Chủ, Phường Mạo Khê, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng bán lưới thép (dự kiến giá trị là 24 tỷ đồng)
7	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Số 1 Đường Lê Thanh Nghị - Phường Cẩm Đông - Thành Phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Hợp đồng bán lưới thép, vật tư hàng hóa (dự kiến giá trị là 32 tỷ đồng)
II	Giao dịch với các doanh nghiệp và người có liên quan			
1	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long - TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Khu Diêm Thủy, P. Cẩm Đông, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng bán vật tư hàng hóa
2	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Quang Hanh - TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Số 302 đường Trần Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng bán lưới thép

404
TỶ
AN
T V
ĐAN
HIẾT
MI
TP

cb

STT	Tên doanh nghiệp/Người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Lĩnh vực giao kết
3	Công ty cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông lớn	Số 1, Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng bán lưới thép
4	Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông lớn	Số 969 - đường Bạch Đằng - Phường Quang Trung - Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng bán lưới thép, vật tư hàng hóa
5	Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI	Người có liên quan của cổ đông lớn	Xã An Khánh - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên	Hợp đồng bán vỏ bao Alumin
6	Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông lớn	Số 799 - Lê Thánh Tông - Phường Bạch Đằng - thành phố Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng bán lưới thép, vật tư hàng hóa
7	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hòn Gai - TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Số 169 Đường Lê Thánh Tông Phường Hồng Gai Thành phố Hạ Long Tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng bán lưới thép
8	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hợp đồng bán lưới thép, vật tư hàng hóa
9	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Số 804, Khu 7B, Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	Hợp đồng bán gông, thanh giằng
10	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Cổ đông lớn	Số 1 Phan Đình Giót - Phường Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội	Hợp đồng thuê tài sản
11	Trường cao đẳng than khoáng sản Việt Nam	Người có liên quan của cổ đông lớn	Số 8 Chu Văn An - P Hồng Hải - TP Hạ Long - Quảng Ninh	Hợp đồng bồi dưỡng, ôn luyện, thi nâng bậc
12	Trung tâm điều dưỡng ngành than - VVMI	Người có liên quan của cổ đông lớn	41 đường Thanh Niên - P Bắc Sơn - TP Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa	Hợp đồng dịch vụ nghỉ mát kết hợp điều dưỡng
13	Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	Người có liên quan của cổ đông lớn	Xóm 2 Xã Cù Vân- Huyện Đại Từ- Tỉnh Thái Nguyên	Hợp đồng dịch vụ sửa chữa
14	Và các đơn vị khác trong tập đoàn công nghiệp than- khoáng sản Việt Nam và trong Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn		

C.T.C.P. Việt Nam

Ch

Dự thảo

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KD
VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 0042/QC-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2025-2030;
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, thông qua ngày 17/6/2020.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị-VVMI(sửa đổi) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua ngày 16/04/2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, nhiệm kỳ 2025-2030 của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 theo các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng thực hiện bầu cử:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ có mặt tại Đại hội.

Điều 2: Điều kiện, tiêu chuẩn, ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS:

1. Điều kiện, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ am hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
- Thành viên Ban kiểm soát không được là người làm việc trong phòng kế toán Công ty.
- Thành viên Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

- Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

3. Đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT, vào thành viên BKS.

3.1. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

- Theo quy định tại Điều lệ Công ty các Cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

- Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và tự ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3.2. Đề cử thành viên Ban kiểm soát:

- Theo quy định tại Điều lệ Công ty các Cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng viên vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3.3. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS:

- Văn bản đề cử (ứng cử) tham gia, (theo mẫu);
- Bản cung cấp thông tin do ứng viên khai;
- Bản sao có công chứng các giấy tờ: CMND; bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
- Giấy uỷ quyền đề cử hợp lệ (*trong trường hợp cổ đông uỷ quyền cho người khác đề cử*);
- Hồ sơ ứng cử, đề cử được gửi về Ban Tổ chức Đại hội trước 11h00' ngày 13/4/2025 theo địa chỉ sau:

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VBMI.

Địa chỉ: Tổ 12 Thị trấn Đông Anh Huyện Đông Anh Thành phố Hà Nội.

- Đối với các trường hợp ứng cử, đề cử tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử, đề cử phải cung cấp ngay hồ sơ cho Chủ tọa để được xem xét trước khi tiến hành bầu cử.

- Chỉ những hồ sơ ứng cử, đề cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên BKS mới được đưa vào danh sách ứng viên công bố tại Đại hội.

Phụ lục đính kèm Quy chế

Mẫu văn bản cổ đông và/hoặc Nhóm cổ đông đề cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT, BKS.

4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:

- Số lượng bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát là: 03 thành viên

Điều 3: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

1. Danh sách ứng cử viên bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Danh sách ứng cử viên bầu vào HĐQT, vào BKS Công ty được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

- Phiếu bầu được in thống nhất có đóng dấu Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

- Mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền đến dự Đại hội sẽ được phát một(01) phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT (có ghi cổ phần mà cổ đông đó sở hữu, được ủy quyền và tổng số phiếu có quyền bầu)

- Trường hợp ghi sai, cổ đông có thể đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác để ghi lại(chỉ đổi khi chưa bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu);

- Cổ đông phải tự mình ghi số phiếu bầu cho ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.

3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty.

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu có quyền bầu của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

Điều 4: Phương thức bầu cử:

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu được bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết(bao gồm cả số cổ phần sở hữu và được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS. Và

- Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên

Điều 5: Ban kiểm phiếu, Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên do Chủ tọa đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào BKS.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

+ Giới thiệu nội dung và cách ghi phiếu bầu và phát phiếu bầu;

+ Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông;

+ Tiến hành kiểm phiếu;

+ Lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả Bầu cử trước Đại hội.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Trước khi mở hòm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không dùng tới/hoặc phiếu bị trả lại do cổ đông đổi phiếu.

Điều 6: Nguyên tắc trúng cử:

- Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

- Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đó được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

Điều 7: Lập và công bố biên bản kiểm phiếu:

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ số phiếu được bầu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu được bầu của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trắng; Số và tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng cử viên HĐQT, danh sách trúng cử thành viên bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 8: Khiếu nại và xử lý khiếu nại:

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 9: Hiệu lực của Quy chế:

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI thống nhất thông qua tại Đại hội. *ch*

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Lưu VT, HSDH(Ch)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Văn Dũng

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 2025

ĐƠN ỨNG CỬ
Bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát

Kính gửi: HĐQT Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI

Tôi tên là:

CMND/ Hộ chiếu/ GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú :

Đơn vị Công tác:.....

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần (bằng chữ: CP) của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Thông tư 116/2020/TT-BTC, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Công ty.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty. *Ch*

Xin trân trọng cảm ơn.

Ngày..... tháng năm 2025

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản cung cấp thông tin của ứng viên;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2025

ĐƠN ĐỀ CỬ
Bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát

Kính gửi: HĐQT Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI

Hôm nay, ngày, tôi/chúng tôi là cổ đông/ nhóm cổ đông sở hữu/ tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông nắm giữ.....cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	CỔ ĐÔNG	Hộ chiếu /CMND/CCCD/ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)/ Tổng số cổ phần	Ký tên
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					

10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
Tổng cộng					

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Thông tư 116/2020/TT-BTC, chúng tôi thống nhất đề cử ông/bà có tên sau vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty.

a/ thành viên Hội đồng quản trị.

TT	Họ tên ứng cử viên	Số CMND/ Hộ chiếu	Trình độ học vấn	Chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu
1					
...					

b/ thành viên Ban kiểm soát.

TT	Họ tên ứng cử viên	Số CMND/ Hộ chiếu	Trình độ học vấn	Chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu
1					
...					

Tôi/Chúng tôi cam kết sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu như đã đăng ký theo quy định để các ứng cử viên có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát vào ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông bầu chức danh trên. Đồng thời, cam kết các nội dung trong Đơn đề cử này là hoàn toàn chính xác, theo đúng quy định pháp luật.

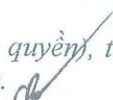
Trân trọng./.

Hà Nội, ngàytháng..... năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đính kèm bản cung cấp thông tin và các văn bằng, chứng chỉ liên quan của các ứng viên;
- Đối với cổ đông pháp nhân:
 - (1) Người đại diện pháp luật ký tên và đóng dấu;
 - (2) Trường hợp pháp nhân cử đại diện vốn (đại diện theo ủy quyền), thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện vốn theo quy định. 

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên:
- Năm sinh: - Giới tính:
- Nơi sinh:
- CMND, Căn cước, hộ chiếu: - Ngày cấp:
- Nơi cấp:
- Quốc tịch: - Dân tộc:
- Địa chỉ thường trú:
- Chức vụ hiện nay:
- Liên hệ: Điện thoại:
Email:

2. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Stt	Tên công ty	Chức vụ đang nắm giữ

3. Số cổ phần nắm giữ:.....CP, chiếm.....% vốn điều lệ của Công ty.

Trong đó:

- Đại diện sở hữu:.....CP

- Cá nhân sở hữu:.....CP

4. Các cam kết nắm giữ (nếu có).....

5. Danh sách người có liên quan của người khai:

(Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 điều 4 Luật Chứng khoán ngày 16/11/2019)

[illegible]

6. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng quỹ (nếu có):.....
7. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng quỹ (nếu có):.....
8. Cam kết trước pháp luật:

Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày tháng năm 2025

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)